

# PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN HÀ NỘI TRONG QUÁ TRÌNH CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ

Th.s Lê Minh Đức

Văn phòng HĐND và UBND huyện Đông Anh

PGS.TS Phan Duy Minh

Học viện Tài chính

*Công nghiệp nông thôn (CNNT) là một bộ phận của hệ thống công nghiệp, được phân bố ở nông thôn và có quan hệ mật thiết với sự phát triển kinh tế- xã hội ở nông thôn. Thành phố Hà Nội (mở rộng) có nhu cầu và tiềm năng lớn về phát triển công nghiệp nông thôn. Trong những năm qua, tuy có những cố gắng và tiến bộ nhất định trong phát triển công nghiệp nông thôn, nhưng sự phát triển của nó còn nhỏ bé, lạc hậu, thiếu bền vững, khả năng cạnh tranh kém. Để phát triển CNNT góp phần đẩy nhanh công nghiệp hoá, hiện đại hoá Thủ đô cần có sự đổi mới về quan điểm và áp dụng tích cực, đồng bộ các giải pháp.*

## **1. Thực trạng phát triển công nghiệp nông thôn Hà Nội trong những năm qua**

Hiện nay, vẫn đang tồn tại các cách hiểu khác nhau về CNNT. Một số người cho rằng CNNT là tiểu thủ công nghiệp ở nông thôn, chúng được phân bố ở các làng nghề. Một số khác quan niệm: CNNT là công nghiệp đóng trên địa bàn nông thôn không kể quy mô và trình độ như thế nào hoặc CNNT là công nghiệp do nông dân đầu tư. Theo chúng tôi, *CNNT là một bộ phận của hệ thống công nghiệp, được phân bố ở nông thôn và có quan hệ mật thiết với sự phát triển kinh tế- xã hội ở nông thôn, bao gồm các hoạt động sản xuất-kinh doanh của các hộ kinh tế gia đình, các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác nhau, sản xuất kinh doanh trên cơ sở khai thác các nguồn lực ở địa phương, phục vụ thị trường địa phương, trong nước và nước ngoài.*

CNNT chính thức trở thành thực thể kinh tế và trở thành đối tượng quản lý, có hệ thống các chính sách hỗ trợ, khuyến khích và quản lý bắt đầu từ khi có Nghị định số 134/2004/NĐ- CP ngày 09/06/2004 của Chính phủ về phát triển công nghiệp nông thôn (khuyến công). Qua gần 8 năm, sự phát triển CNNT Hà Nội đã có một số tiến bộ, thành tựu:

**Một là,** CNNT Hà Nội đã phát triển với quy mô,

tốc độ khá, tạo ra khối lượng không nhỏ sản phẩm, dịch vụ phục vụ sản xuất, đời sống và xuất khẩu. Giá trị sản xuất của CNNT có tốc độ tăng lớn hơn tốc độ tăng giá trị sản xuất công nghiệp chung toàn Thành phố. Trong giai đoạn 2005– 2010, nếu tốc độ tăng giá trị sản xuất công nghiệp nói chung toàn thành phố là trên 16%, thì tốc độ tăng giá trị sản xuất CNNT là 19,25% (5). Làng nghề hiện nay là hình thức chủ yếu của CNNT Hà Nội. Hiện, Hà Nội có 1350 làng có nghề, trong đó có 244 làng nghề truyền thống và 272 làng nghề được công nhận. Năm 2010, giá trị sản xuất công nghiệp của khu vực làng nghề đạt 8.663 tỷ đồng, tăng 13,23% so với 2009 và chiếm 8,3% tổng giá trị sản xuất công nghiệp toàn thành phố.

Ngành nghề và sản phẩm của CNNT Hà Nội rất đa dạng phục vụ cho sản xuất, đời sống, xuất khẩu, như: chế biến lương thực, thực phẩm; chế biến gỗ và lâm sản; dệt may; da giày; gốm sứ; đồ đồng; khám trai; sơn mài; thêu ren; điêu khắc; tạc tượng...

Năm 2009, giá trị xuất khẩu của khu vực làng nghề Hà Nội đạt 754.9 triệu đô la Mỹ, chiếm hơn 11,86% kim ngạch xuất khẩu toàn thành phố; năm 2010, kim ngạch xuất khẩu đạt 804,5 triệu đô la, tăng 6,57%.

**Hai là,** CNNT Hà Nội đã có đổi mới bước đầu về

**Bảng 1: Cụm công nghiệp, điểm công nghiệp**

Tỉnh thành phố	2000		2004		2008		2010	
	Số lượng	Diện tích (ha)	Số lượng	Diện tích	Số lượng	Diện tích (ha)	Số lượng	Diện tích
Hà Nội (cũ)	CCN: 2	26,94	CCN: 11		CCN:13	734		
Hà Tây (cũ)			CCN: 21	591	CCN: 24			
			ĐCN: 56	422	ĐCN: 49			
Hà Nội							CCN: 46	2616
(mở rộng)							ĐCN: 176	1315

Nguồn: Sở Công Thương Hà Nội

tổ chức sản xuất- kinh doanh để huy động và sử dụng tốt hơn các nguồn lực của thành phố Hà Nội vào phát triển CNNT. Sự đổi mới về tổ chức sản xuất- kinh doanh được thể hiện rõ nét ở hai khía cạnh:

- Nếu như khoảng 15 năm trước đây, trong CNNT Hà Nội, hộ kinh tế gia đình là hình thức kinh doanh chủ yếu thì ngày nay, các doanh nghiệp dân doanh (công ty tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, hợp tác xã...) lại là các hình thức tổ chức chủ yếu.

- Sau khi có Quyết định 132/2000/QĐ-TTg ngày 24/11/2000 của Chính phủ về một số chính sách khuyến khích phát triển ngành nghề nông thôn, cụm công nghiệp điểm, công nghiệp đã phát triển nhanh ở Hà Nội (Bảng 1).

Cụm công nghiệp là hình thức mới của tổ chức sản xuất công nghiệp theo lãnh thổ. Theo Quyết định 105/2009/QĐ- TTg ngày 19/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ về quy chế quản lý cụm công

nghiệp, cụm công nghiệp là khu vực các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp- tiểu thủ công nghiệp, cơ sở dịch vụ phục vụ sản xuất công nghiệp- tiểu thủ công nghiệp có ranh giới địa lý xác định, không có dân cư sinh sống; được đầu tư xây dựng chủ yếu nhằm di dời sắp xếp, thu hút các cơ sở sản xuất, các doanh nghiệp nhỏ và vừa, các cá nhân, hộ gia đình ở địa phương và đầu tư sản xuất kinh doanh do UBND các tỉnh, thành phố, trực thuộc trung ương quyết định thành lập.

Điểm công nghiệp (hay còn gọi là cụm công nghiệp làng nghề) thực chất là cụm công nghiệp nhưng có quy mô nhỏ, thường dưới 10 ha.

**Ba là**, phát huy được vai trò quản lý nhà nước đối với CNNT Hà Nội.

Chính quyền các cấp của Hà Nội (thành phố, huyện, xã) đã phát huy khá tốt vai trò quản lý nhà nước đối với CNNT Hà Nội, trên các mặt chủ yếu sau:

- Định hướng, khuyến khích, hỗ trợ phát triển

**Bảng 2: Kinh phí khuyến công Hà Nội giai đoạn 2005 – 2010**

Đơn vị tính: 1000 đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	2005	2006	2007	2008	2009	2010	Giai đoạn 2005 – 2010	Tăng bình quân giai đoạn 2005 – 2010 (%)
- Kinh phí khuyến công cả nước	34.056	51.102	70.902	103.940	131.949	149.050	541.001	34, 35
- Kinh phí khuyến công Hà Nội	1.630	2.596	3.153	10.107	10.938	13.570	41.994	52, 78

Nguồn: Sở Công Thương Hà Nội

CNNT, thể hiện rõ ở định hướng phát triển công nghiệp thành phố, ở xây dựng đề án bảo tồn và phát triển làng nghề Hà Nội giai đoạn 2010– 2020, xây dựng quy hoạch phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, điểm công nghiệp.

- Cụ thể hoá các chính sách của Trung ương liên quan tới phát triển CNNT thành các chính sách cụ thể phù hợp với hoàn cảnh điều kiện của Hà Nội, ví dụ từ chính sách phát triển CNNT (Nghị định 134/2004/NĐ-CP) cụ thể hoá thành chương trình khuyến công địa phương giai đoạn 2011– 2015 (Quyết định 1697/QĐ– UBND). Áp dụng các biện pháp cụ thể có hiệu quả các chính sách khuyến công, kinh phí khuyến công của Hà Nội được tăng lên qua các năm (bảng 2).

Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp thành phố đã chi giai đoạn 2005– 2009: 22, 81 tỷ đồng, năm 2010: 11,5 tỷ đồng cho các chương trình: i) Chương trình truyền nghề và nhóm cấy nghề với tổng kinh phí 18,94 tỷ đồng hỗ trợ truyền nghề cho 40.800 lao động; ii) chương trình nâng cao năng lực quản lý giai đoạn 2005– 2010 với tổng kinh phí: 4,14 tỷ đồng đã tổ chức tập huấn khuyến công, khởi sự doanh nghiệp, nâng cao kỹ năng quản trị cho 3000 lượt cán bộ làm công tác khuyến công; iii) dành 4,58 tỷ đồng cho thực hiện 14 mô hình trình diễn kỹ thuật; iv) dành 3,1 tỷ đồng hỗ trợ cho 71 cơ sở tham gia triển lãm chuyên ngành trong nước và quốc tế...

Sự phát triển CNNT Hà Nội trong những năm đổi mới vừa qua đã tác động tích cực tới:

- Góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế và phát triển kinh tế- xã hội của Hà Nội. Nếu năm 2000, cơ cấu kinh tế của Hà Nội là: Công nghiệp– xây dựng:

36,4%; Nông lâm thủy sản: 10,4%; Dịch vụ: 53,2% thì cơ cấu kinh tế của năm 2010 là: 41,8%; 5,8%; 52,4% (bảng 3);

- Đảm bảo thu nhập cho người lao động, thúc đẩy phân công lao động ở ngoại thành Hà Nội;

- Trong cơ chế thị trường, những sản phẩm của CNNT tồn tại và phát triển được nói chung là những sản phẩm mang đậm nét tính văn hoá, nghệ thuật và được sản xuất bằng sự tinh xảo, khéo léo của người thợ.

*Tuy nhiên*, so với vai trò, vị trí của Thủ đô, so với yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá và so với cả tiềm năng hiện có của Thành phố Hà Nội, CNNT Hà Nội trong những năm qua đã bộc lộ các yếu kém, hạn chế sau:

**Một là**; CNNT còn nhỏ bé, phân tán, rời rạc, lạc hậu.

Tính chung cả nước, năm 2010 CNNT chiếm 24,50% tổng giá trị công nghiệp toàn ngành. Nhưng CNNT Hà Nội trong giá trị công nghiệp toàn thành phố còn thấp hơn con số đó. CNNT Hà Nội chủ yếu tồn tại dưới hình thức làng nghề và các một số nhỏ đó là các doanh nghiệp nhỏ và vừa không ở các làng nghề.

**Hai là**, CNNT Hà Nội phát triển chủ yếu còn mang tính tự phát và thiếu bền vững. Sự thiếu bền vững thể hiện ở: nguyên liệu thiếu và không ổn định, tiêu thụ gặp khó khăn và kênh tiêu thụ chủ yếu qua khâu trung gian, công nghệ.

**Ba là**, sản xuất của CNNT còn gây ô nhiễm môi trường nặng, và các biện pháp giảm ô nhiễm môi trường chưa được thực hiện mạnh. Trong tổng số 101 khu, cụm công nghiệp trên địa bàn Hà Nội, chỉ

**Bảng 3: Cơ cấu kinh tế (theo giá thực tế) (%)**

Năm	Tổng sản phẩm nội địa	Trong đó		
		Nông – lâm, thủy sản	Công nghiệp – xây dựng	Dịch vụ
2000	100	10,4	36,4	53,2
2005	100	6,9	40,7	52,4
2007	100	6,6	47,3	52,1
2008	100	6,6	41,2	52,2
2009	100	6,2	41,5	52,3
2010	100	5,8	41,8	52,4

Nguồn: Sở Công Thương Hà Nội

có 4 cụm công nghiệp đã xây dựng và đưa vào vận hành nhà máy xử lý nước thải tập trung, 8 khu cụm công nghiệp đang triển khai xây dựng, 28 khu, cụm công nghiệp chưa xây dựng, có tới 61 khu, cụm công nghiệp không quy hoạch hệ thống xử lý nước thải.

**Bốn là**, cơ sở hạ tầng cho phát triển CNNT chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển nhanh và hiện đại của CNNT. Đó là sự yếu kém về cơ sở hạ tầng kỹ thuật (giao thông, đường xá, hệ thống cung ứng điện, xử lý chất thải...) và cơ sở hạ tầng xã hội như: ngân hàng, đào tạo, nhà ở, y tế...

**Năm là**, khả năng cạnh tranh của các cơ sở sản xuất – kinh doanh của CNNT Hà Nội còn kém.

Nguyên nhân của các yếu kém, hạn chế trên chủ yếu là do: i) Nhận thức và quan điểm phát triển CNNT chưa được đổi mới, nhiều người còn quan niệm rằng phát triển CNNT của Hà Nội chủ yếu là phát triển cái hiện có; ii) Khủng hoảng kinh tế thế giới, lạm phát, lãi suất cao gây khó khăn cho đầu tư và duy trì sản xuất – kinh doanh; iii) Năng lực về vốn, công nghệ, nhân lực, quản trị của bản thân cơ sở sản xuất – kinh doanh của CNNT còn yếu, kém; iv) Chính sách tác động đến phát triển CNNT Hà Nội chưa đủ mạnh.

## **2. Quan điểm và giải pháp phát triển công nghiệp nông thôn Hà Nội giai đoạn 2011– 2020**

### **2.1. Thời cơ, thách thức và quan điểm phát triển công nghiệp nông thôn Hà Nội giai đoạn 2011– 2020**

Bước vào giai đoạn 2011– 2020, CNNT Hà Nội đứng trước cơ hội rất lớn. Đó là:

- Thành tựu đạt được của những năm đổi mới từ 1986 đến nay và trực tiếp là năm 2011 vừa qua đã tạo tiền đề quan trọng cho tiếp tục phát triển CNNT. Trong giai đoạn 10 năm (2001– 2010), thực hiện Nghị quyết 15-NQ/TU của Bộ chính trị khoá VIII về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2001– 2010, kinh tế thủ đô phát triển nhanh và tương đối ổn định, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) tăng bình quân 10,85% năm, cao gấp 1,5 lần tốc độ tăng GDP của cả nước. Năm 2011, trong bối cảnh đầy biến động và khó khăn của tình hình thế giới và trong nước, tăng trưởng GDP của Hà Nội đạt 10,13% cao hơn 1,67 lần của cả nước.

- Thành phố Hà Nội có những lợi thế so với các tỉnh, thành phố khác trong phát triển CNNT. Trước hết, Hà Nội có số lượng làng nghề lớn nhất cả nước và có những làng nghề nổi tiếng cả nước. Hà Nội có 1350 làng có nghề chiếm gần 59% tổng số làng trên địa bàn Hà Nội và chiếm 45% tổng số làng nghề cả nước. Hà Nội có tiềm năng rất lớn về lao động trong CNNT. Hà Nội có 116 “Nghệ nhân”, có 77 trường Đại học và cao đẳng, 45 trường trung cấp chuyên nghiệp và 279 trường công nhân kỹ thuật, đặc biệt trên địa bàn còn có các trường mỹ thuật. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 45%, trong đó lao động qua đào tạo nghề đạt 23%.

- Bộ Chính trị đã có Nghị quyết 15-NQ/TW khoá VIII về nhiệm vụ, phương hướng, phát triển Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2001– 2010 và gần đây đã có Nghị quyết 11–NQ/TW của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển thủ đô giai đoạn 2011– 2020. Chính phủ đã phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 và chiến lược xây dựng Thủ đô đến năm 2030, tầm nhìn 2050. Đây là điểm tựa để phát triển Thủ đô nói chung và phát triển CNNT Hà Nội nói riêng.

Mặt khác, phát triển CNNT của Hà Nội cũng đứng trước các thách thức lớn, như: “Kinh tế phát triển chưa toàn diện; năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh nhìn chung còn thấp. Các nguồn lực về vốn, nhân lực và công nghệ trên địa bàn chưa được khai thác tốt. Sức lan toả của một “trung tâm kinh tế lớn”, một “động lực kinh tế” trong vùng Đồng bằng sông Hồng và cả nước còn hạn chế” (1).

Phát triển CNNT Hà Nội giai đoạn 2011– 2020 cần quán triệt và thực hiện các quan điểm chủ yếu sau:

**Một là**, phát triển CNNT như một bộ phận quan trọng của công nghiệp Thành phố phải nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu là: xây dựng, phát triển thành phố Hà Nội xứng đáng là Thủ đô của cả nước và phấn đấu để Hà Nội về đích sớm 1 đến 2 năm quá trình nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

**Hai là**, đổi mới mô hình tăng trưởng CNNT Hà Nội theo hướng kết hợp phát triển theo chiều rộng và theo chiều sâu. Phát triển mạnh các ngành công nghiệp chủ lực công nghiệp phụ trợ, công nghiệp



công nghệ cao, nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của các sản phẩm công nghiệp mũi nhọn. Kết hợp truyền thống với hiện đại, tranh thủ hiện đại với truyền thống:

**Ba là**, lựa chọn để phát triển các ngành nghề theo hướng bền vững, thân thiện với môi trường, mang những nét văn hoá độc đáo riêng của Hà Nội.

**Bốn là**, phát triển mạnh các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp. Trọng tâm là nâng cao vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước, đổi mới nâng cao hiệu quả và vai trò nòng cốt của doanh nghiệp nhà nước, khuyến khích phát triển kinh tế tư nhân, các loại hình doanh nghiệp sở hữu hỗn hợp.

## **2.2. Một số giải pháp chủ yếu phát triển công nghiệp nông thôn Hà Nội giai đoạn 2011 - 2020**

### **Một là, chú trọng xây dựng chiến lược, quy hoạch phát triển CNNT**

Chiến lược và quy hoạch phát triển CNNT là khâu đi trước, làm cơ sở và có ý nghĩa quyết định đối với định hướng, xác định nhiệm vụ chủ yếu, đảm bảo tính hiệu quả tính bền vững trong phát triển CNNT. Quy hoạch phát triển CNNT xác định mục tiêu, định hướng, giải pháp và cơ chế chính sách, trong đó xác định ngành nghề, sản phẩm của CNNT và tổ chức sản xuất công nghiệp theo không gian lãnh thổ.

Có thể đổi mới, hoàn thiện công tác quy hoạch phát triển CNNT theo các hướng chủ yếu sau:

- Gắn quy hoạch phát triển CNNT với quy hoạch phát triển công nghiệp Hà Nội, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội, chương trình xây dựng nông thôn mới, quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch đô thị hoá.

- Đổi mới phân công, phân cấp công tác làm quy hoạch và quản lý quy hoạch.

- Về nội dung của quy hoạch, cần chú ý 2 loại quy hoạch:

+ Quy hoạch phát triển CNNT. Nên xác định: ngành nghề và sản phẩm mới; ngành nghề, sản phẩm nào sẽ tồn tại phát triển lâu dài; ngành nghề, sản phẩm nào đến thời điểm nào đó sẽ không tồn tại hoặc bị công nghiệp hiện đại thay thế.

\* Phát triển công nghệ cao.

\* Khôi phục, phát triển ngành nghề tiểu thủ công

ng nghiệp truyền thống, đặc biệt là hàng thủ công mỹ nghệ xuất khẩu.

\* Ngành công nghiệp chế biến nông, lâm, hải sản.

\* Ngành nghề sử dụng, nhiều lao động và nguyên liệu tại địa phương.

\* Ngành công nghiệp hỗ trợ.

+ Xây dựng quy hoạch phát triển các cụm, điểm công nghiệp và gắn nó với quy hoạch phát triển khu công nghiệp.

Phát triển cụm, điểm công nghiệp đã mang lại nhiều lợi ích và tác dụng đối với công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn giải quyết việc làm, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, do đó cần được tiếp tục thực hiện xây dựng quy hoạch phát triển chúng.

### **Hai là, xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng cho phát triển công nghiệp nông thôn.**

Xây dựng CSHT phát triển CNNT cần tập trung vào giải quyết một số vấn đề cơ bản sau:

- Phát triển, nâng cấp hệ thống giao thông đường bộ và cung cấp điện.

- Xử lý ô nhiễm môi trường trong phát triển CNNT.

Để khắc phục ô nhiễm môi trường trong phát triển CNNT, cần chú ý các biện pháp (1) Phát triển cơ sở hạ tầng để xử lý chất thải (rắn, nước...); (2) Áp dụng công nghệ thân thiện môi trường; (3) Thiết kế, sản xuất và cung ứng một số dây chuyền và thiết bị xử lý môi trường với quy mô nhỏ, giá không đắt để bán cho các cơ sở sản xuất – kinh doanh ở làng nghề; (4) Nhà nước cần hỗ trợ và cho vay với lãi suất thấp để thực hiện dự án xử lý môi trường.

- Đào tạo nhân lực cho phát triển CNNT.

### **Ba là, thực hiện các biện pháp đồng bộ để kết hợp phát triển CNNT với phát triển du lịch.**

Hà Nội là trung tâm du lịch lớn của cả nước, có nhiều danh lam thắng cảnh, nhiều di tích lịch sử văn hoá, nhiều chùa chiền, nhiều làng nghề. Đây là tiềm năng lớn, là thế mạnh về du lịch, bao gồm du lịch văn hoá, du lịch sinh thái, du lịch tâm linh.

Hà Nội mới chỉ bắt đầu kết hợp phát triển làng nghề với du lịch, kết quả mang lại chưa nhiều, tiềm năng còn lớn. Nguyên nhân chủ yếu là chưa có nỗ lực và phối hợp giữa các ngành, các khâu liên quan

đến phát triển du lịch. Để kết hợp phát triển, CNNT với phát triển du lịch cần thực hiện một số biện pháp sau:

- Quy hoạch phát triển du lịch làng nghề CNNT, trên cơ sở đó có cơ chế đầu tư thoả đáng.

- Coi trọng đầu tư và nâng cấp kết cấu hạ tầng phục vụ du lịch, trong đó chú ý đến đường xá, điện, bến sông, xây dựng khu triển lãm, chợ và các phòng trưng bày giới thiệu sản phẩm.

- Sản xuất và bán các sản phẩm đặc trưng của làng nghề, CNNT làm đồ lưu niệm cho khách du lịch.

- Đào tạo và sử dụng đội ngũ những người có trình độ chuyên nghiệp về du lịch công tác ở các khâu: hướng dẫn tham quan, du lịch làng nghề, CNNT, dịch vụ du khách ngay tại các làng nghề.

- Phát triển công tác tuyên truyền, quảng bá về du lịch làng nghề, CNNT.

**Bốn là, phát triển sản phẩm mới, cải tiến mẫu mã kiểu dáng của sản phẩm công nghiệp nông thôn.**

- Cải tiến hiện đại hoá công nghệ truyền thống, sản phẩm truyền thống hay cải tiến mẫu mã, kiểu dáng, thêm một số tính năng tác dụng.

- Nhập máy móc, thiết bị, chuyển giao công nghệ

hoặc mua bằng phát minh, sáng chế từ nước ngoài để tạo ra sản phẩm có tính đột phá hoặc có tính cải tiến.

- Tự nghiên cứu, phát triển sản phẩm từ trong nước để tạo ra sản phẩm mới có tính đột phá. Tỷ lệ sản phẩm mới trong danh mục sản phẩm sản xuất của CNNT còn rất nhỏ.

- \* Gắn thiết kế với nghiên cứu thị trường. Nghiên cứu thị trường để biết xu hướng thiết kế và sử dụng sản phẩm (cần loại sản phẩm gì, với chất lượng, kiểu dáng, mẫu mã và giá cả ra sao) để từ đó tìm giải pháp thiết kế và sản xuất. Đặc điểm của hàng thủ công mỹ nghệ là nhu cầu, thị hiếu thay đổi rất nhanh.

- Cần hết sức coi trọng thiết kế mẫu mã, thiết kế kiểu dáng, trong đó tập trung vào: chọn màu sắc, chất liệu, kiểu dáng hàng hoá.

- Đảm bảo yêu cầu kết hợp thoả mãn các tính trong thiết kế như: tính mới, tính sáng tạo, tính công dụng, tính thẩm mỹ, tính truyền thống, tính hiện đại, tính kinh tế và tính an toàn.

- Thành lập trung tâm thiết kế hàng thủ công mỹ nghệ ở Hà Nội để tiến hành nghiên cứu, thiết kế, phục vụ cho các làng nghề, phố nghề. □

#### **Tài liệu tham khảo:**

1. Nghị quyết số 11 - NQ/TW ngày 6/01/2012 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển thủ đô Hà Nội giai đoạn 2011 – 2020.

2. Nghị định số 134/2004/NĐ- CP ngày 09/06/2004 của Chính phủ về khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn.

3. Quyết định số 108/QĐ – TTg ngày 06/07/2011 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

4. Quyết định số 554/QĐ – UBND ngày 27/01/2011 về phê duyệt đề án Bảo tồn và phát triển làng nghề Hà Nội giai đoạn 2010 – 2020.

5. Quyết định số 1697/QĐ – UBND ngày 09/04/2011 về phê duyệt chương trình khuyến công địa phương giai đoạn 2011 – 2015.

6. Niên giám thống kê Hà Nội 2010. Cục Thống kê thành phố Hà Nội. Hà Nội 5/2011.